

THỰC TRẠNG XÉT XỬ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN - MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

ThS. NGUYỄN THỊ TÁM*
ThS. NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG**

Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ đa dạng sinh học cao nhất thế giới, với sự có mặt của 10% số loài được biết đến, trong khi diện tích lãnh thổ chỉ chiếm chưa đến 1% diện tích trái đất¹. Theo Báo cáo của Quỹ Quốc tế bảo vệ Thiên nhiên, trong những năm gần đây, Việt Nam đang là điểm nóng về săn bắt, khai thác, buôn bán động, thực vật hoang dã; dần trở thành thị trường tiêu thụ thay vì chỉ đơn thuần là quốc gia trung chuyển trong hoạt động buôn bán xuyên biên giới và xuyên quốc gia. Với vị trí địa lý tiếp giáp nhiều quốc gia, với nhiều cửa khẩu, hải cảng đã tạo điều kiện để Việt Nam trở thành một trong các mắt xích quan trọng của đường dây buôn bán động vật hoang dã (ĐVHD), động vật nguy cấp, quý, hiếm (ĐVNQCQH) tại khu vực tiểu vùng sông Mê Kông và Châu Á.

1. Tình hình thụ lý, xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH

Theo thống kê của Tòa án nhân dân (TAND) tối cao, trong thời gian từ 01/01/2015 đến 31/12/2019, các TAND đã thụ lý 494 vụ với 719 bị cáo phạm các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH; đã giải quyết 480 vụ với 658 bị cáo (đạt tỷ lệ 97,2% về số vụ, 91,5% về số bị cáo). Trong đó, số vụ án, bị cáo được các TAND giải quyết theo từng năm cụ thể như sau:

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
Số vụ	59	89	102	101	129	480
Số bị cáo	90	133	145	126	191	658

Từ các số liệu trên cho thấy, số lượng vụ án các TAND thụ lý, giải quyết đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH có xu hướng tăng dần theo từng năm. Địa bàn hoạt động của tội phạm chủ yếu xảy ra ở các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh... Trong khi đó, tại các tỉnh Đồng Nai, Quảng Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, tình hình tội phạm có diễn biến phức tạp, số lượng các vụ án được thụ lý, giải quyết chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH của toàn hệ thống. Điều này phù hợp với nghiên cứu và khẳng định của Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới: Tại Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ các loài hoang dã tập trung ở các thành phố lớn, trong khi đó, các tỉnh như Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Gia Lai, Kon Tum là nơi khai thác các loài hoang dã².

Về cơ cấu hành vi, trong giai đoạn năm 2018 - 2019, các Tòa án đã giải quyết, xét xử 230 vụ, 317 bị cáo về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH. Trong đó, đã giải quyết 215 vụ, 297 bị cáo về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH

* Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Tòa án nhân dân tối cao.

** Thẩm tra viên Vụ Tổng hợp, Tòa án nhân dân tối cao.

¹ Nguyễn Văn Song, Đỗ Thị Diệp, "Mất cân bằng cung cầu động vật hoang dã đẩy các loài vào nguy cơ tuyệt chủng", Bản tin Chính sách, Trung tâm con người và thiên nhiên, số 29-30, tr.12.

² Bùi Đăng Phong, "Hiện trạng buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật", Bản tin Chính sách, Trung tâm con người và thiên nhiên, số 29-30, tr.6.

(Điều 244 Bộ luật Hình sự (BLHS) 2015), chiếm tỷ lệ 93,5%; 15 vụ, 20 bị cáo về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD (Điều 234 BLHS 2015), chiếm tỷ lệ 6,5%. Điều này cho thấy, đối tượng các tội phạm thường hướng tới là nhóm ĐVNQCQH do lợi nhuận thu được từ hoạt động mua, bán các loài ĐVNQCQH đặc biệt lớn³. Trong số 628 bị cáo bị xét xử về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH, có 25 bị cáo bị xử phạt từ 7 năm đến 15 năm tù (chiếm tỷ lệ 4%); 48 bị cáo bị xử phạt từ 03 năm đến 07 năm tù (chiếm tỷ lệ 7,6%); 194 bị cáo bị xử phạt dưới 03 năm tù (chiếm tỷ lệ 30,9%); 328 bị cáo bị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo (chiếm tỷ lệ 52,2%); 23 bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ (chiếm 3,7%); 05 bị cáo bị phạt tiền (chiếm tỷ lệ 1,6%).

Nhìn chung, các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH đều được đưa ra xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật. Trong số 480 vụ án, 658 bị cáo đã được Tòa án giải quyết, chỉ có 05 vụ án bị Viện kiểm sát kháng nghị (tương đương 1,04%); 05 bị cáo bị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy, sửa bản án do Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong quá trình giải quyết vụ án (chiếm 0,8% số bị cáo đã xét xử).

Những con số thống kê trên đã thể hiện nỗ lực của các cơ quan chức năng Việt Nam nói chung và Tòa án nói riêng trong công tác phòng, chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác xét xử vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, khó khăn cần được sớm khắc phục để công tác phòng, chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH đạt hiệu quả.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH

Qua theo dõi công tác xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH và áp dụng pháp luật của hệ thống TAND trong thời gian qua, chúng tôi nhận thấy một số khó khăn, vướng mắc cơ bản sau:

2.1. Khó khăn từ quy định của BLHS 2015

BLHS 2015 có một số sửa đổi, bổ sung so với BLHS 1999 về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH. Theo đó, BLHS 2015 đã tách riêng hai nhóm đối tượng bảo vệ là “động vật hoang dã” (Điều 234) và “động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244) nhằm mở rộng phạm vi đối tượng các loài ĐVHD được bảo vệ theo khuyến nghị của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, BLHS 2015 còn bổ sung hành vi “tàng trữ trái phép bộ phận không thể tách rời sự sống của cá thể” nhằm xử lý triệt để các hành vi phạm tội, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; bổ sung các tình tiết định lượng làm căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự (TNHS) để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động thi hành, áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, thực tế áp dụng BLHS 2015 về các tội danh trên vẫn có một số khó khăn, vướng mắc như sau:

Một là, khó khăn trong việc áp dụng Điều 234 BLHS 2015 đối với tình tiết định lượng “*động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng*” là căn cứ truy cứu TNHS quy định tại điểm a, b khoản 1.

Qua nghiên cứu 15 bản án⁴ của Tòa án xét xử các bị cáo về tội “vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” cho thấy,

³ Theo ước tính của các chuyên gia, việc buôn bán trái pháp luật các loài động vật hoang dã có giá trị từ 7 - 19 tỷ USD mỗi năm; trở thành một trong năm ngành buôn bán trái phép có lợi nhuận cao nhất trên thế giới sau ma túy, vũ khí, hàng giả và buôn bán người (K4D, 2017, “Mạng lưới hình sự và buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp” và <http://bit.ly/btcs576>).

⁴ Nhóm tác giả đã tiếp cận 100% các bản án của Tòa án xét xử về tội “vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” từ 01/01/2018 đến nay.

hầu hết các bị cáo bị truy cứu TNHS theo điểm c khoản 1 Điều 234 BLHS 2015: “Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thu lợi bất chính hoặc trị giá dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” hoặc các điểm d “sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm”; điểm đ “săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm”; điểm e “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” khoản 2 Điều 234 BLHS 2015 và mức định giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép trong các vụ án tương đối thấp. Do đó, để đạt được giá trị định lượng từ 150.000.000 đồng trở lên đối với ĐVHD thuộc nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES; từ 300.000.000 đồng trở lên đối với ĐVHD khác tại điểm a, b khoản 1 Điều 234 BLHS 2015 là rất khó, chưa phù hợp với thực tiễn. Ví dụ:

Vụ án thứ nhất: Ngày 02/8/2019, Trần Văn Đ bị bắt giữ khi đang vận chuyển 62 cá thể rùa không có giấy tờ hợp pháp. Tại kết luận giám định số 676/STTNSV ngày 05/8/2019 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận: trong tổng số 62 cá thể rùa gửi giám định có: 13 cá thể Rùa hộp trán vàng miền Bắc có tên trong Phụ lục I Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Phụ lục II CITES; 35 cá thể Rùa đầu to có tên trong nhóm IB Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Phụ lục I CITES; 02 cá thể Rùa đất S-peng-le-ri, 01 cá thể Rùa đất Sê-pôn, 01 cá thể Rùa đất Pul-kin, 10 cá thể Rùa bốn mắt đều có tên trong nhóm IIB Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)

và Phụ lục II CITES. Căn cứ Kết luận giám định thì trong tổng số các cá thể rùa đã thu giữ có 35 cá thể Rùa đầu to và 13 cá thể Rùa hộp trán vàng miền Bắc thuộc danh mục ĐVNQCQ; 14 cá thể rùa còn lại thuộc nhóm IIB theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Phụ lục II CITES thuộc loại ĐVHD. Tại Kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: Tổng giá trị của 14 cá thể rùa thuộc loại ĐVHD có giá trị 1.986.200 đồng. Trần Văn Đ đã bị truy cứu TNHS đối với hành vi vận chuyển trái phép 38 cá thể rùa thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm theo khoản 3 Điều 244 BLHS (Bản án số 69/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của TAND huyện Q, tỉnh N). Còn đối với hành vi vận chuyển 14 cá thể rùa thuộc loại ĐVHD Nhóm IIB, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính do chưa đủ định lượng để truy cứu TNHS theo Điều 234 BLHS 2015.

Vụ án thứ hai: Đầu tháng 11/2018, Mã Văn T rủ Nông Văn H vào rừng thuộc Vườn quốc gia CT để săn bắn thú rừng bán lấy tiền tiêu xài. Sáng 06/11/2018, sau khi vào rừng, T và H cùng nhau đi săn bắn và đặt bẫy được 01 con cheo cheo trọng lượng 0,5kg; 01 con chồn trọng lượng 01 kg; 01 con khỉ đuôi lợn. Đến 16 giờ ngày 07/11/2018, Mã Văn T phát hiện, bắn trúng 01 con Voọc. T mang Voọc về chòi, cùng H làm thịt để nấu ăn, phân thịt và xương còn lại đem sấy. Đến ngày 08/11/2018, T và H bị lực lượng kiểm lâm Vườn quốc gia CT phát hiện, bắt giữ. Tại bản Kết luận giám định ngày 31/01/2019, Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ căn cứ vào Bản kết luận giám định mẫu vật số 03/BB-SHND ngày 14/01/2019 của Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận: Mẫu 1 và mẫu 4 là các bộ phận của loài Voọc Chà và chân đen thuộc Phụ lục I Nghị định số 160/2013/NĐ-CP và Phụ lục I Công ước CITES. Mẫu 2 là bộ phận của loài khỉ đuôi lợn và

mẫu 3 là bộ phận của loài cheo cheo Nam Dương đều thuộc nhóm IIB Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Phụ lục II Công ước CITES. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 87/KL.HĐĐGTS ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: 01 cá thể Voọc trị giá 1.500.000 đồng; 01 cá thể cheo cheo trọng lượng 0,5kg trị giá 60.000 đồng; 01 cá thể chồn trọng lượng 1kg trị giá 140.000 đồng; 01 cá thể khỉ đuôi lợn trị giá 400.000 đồng. Tổng trị giá 2.100.000 đồng”. Mã Văn T và Nông Văn H bị truy cứu TNHS về hành vi săn bắn 01 cá thể Voọc chà vá chân đen là ĐVNCQH theo Điều 244 BLHS 2015 (Bản án số 31/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của TAND huyện T, tỉnh Đ). Hành vi săn bắn 01 cá thể cheo cheo, 01 cá thể khỉ thuộc nhóm IIB Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Phụ lục II Công ước CITES có tổng giá trị 460.000 đồng không được xem xét xử lý.

Trên cơ sở kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự hai vụ án kể trên cho thấy, để đạt đủ giá trị định tội từ 150.000.000 đồng đối với ĐVHD thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES, từ 300.000.000 đồng đối với ĐVHD khác theo điểm a, b khoản 1 Điều 234 BLHS 2015 ước tính phải có tới hàng trăm, hàng nghìn cá thể ĐVHD là khó xảy ra trên thực tế. Có thể nhà làm luật quy định giá trị động vật tại Điều 234 BLHS 2015 nhằm mang tính dự báo, hoặc hướng tới nhóm chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại phạm tội. Song thực tế, 20 bị cáo bị xét xử về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD đều là cá nhân với các hành vi chủ yếu như: mua bán, vận chuyển, tàng trữ ĐVHD có tính nhỏ lẻ, nhưng đã bị xử phạt hành chính, lại tiếp tục vi phạm; một bộ phận khác thực hiện việc săn bắt ĐVHD tại khu vực bị cấm hoặc bằng các phương tiện săn bắt bị cấm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong gia đình. Do đó, giá trị động vật để định tội, định khung hình phạt tại Điều 234 BLHS 2015 cần được cân nhắc, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Hai là, việc quy định số lượng loài ĐVNCQH bị xâm hại tại điểm d khoản 1 Điều 244 BLHS 2015 chưa chặt chẽ. Điểm d khoản 1 Điều 244 BLHS 2015 quy định: Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES không thuộc loài quy định tại điểm a với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác thì phạm tội. Điều 6 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP) hướng dẫn: “*Trường hợp trong cùng một vụ việc, nếu thu giữ được nhiều loài động vật có cả lớp thú, lớp chim, lớp bò sát và lớp khác thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nếu chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự, thì người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”.

Quy định trên vô tình tạo “lỗ hổng” để các đối tượng có hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép nhiều loài động vật khác nhau thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES nhưng số lượng từng lớp ít hơn quy định của BLHS để không bị truy cứu TNHS nếu bị phát hiện, bắt giữ. Mặt khác, quy định trên cũng dẫn đến tình trạng bỏ lọt một số hành vi nguy hiểm cho xã hội hơn những hành vi mà BLHS đã xác định là tội phạm. Ví dụ, BLHS 2015 quy định hành vi mua bán trái phép 03 cá thể lớp thú thuộc Nhóm IB là tội phạm, nhưng hành vi mua bán trái phép đồng thời 02 cá thể lớp thú, 06 cá thể lớp chim, bò sát và 09 cá thể động vật lớp khác thuộc Nhóm IB không bị coi là tội phạm.

Ba là, hệ thống hình phạt được thiết kế tại Điều 244 BLHS 2015 chưa hợp lý, gây

khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Điều 244 BLHS 2015 quy định hai loại hình phạt là hình phạt tiền (từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng) và hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm đến 15 năm, không quy định các hình phạt khác giữa hai loại hình phạt này. Mặc dù, BLHS 2015 quy định mức hình phạt tiền từ 500.000.000 đồng trở lên nhằm đảm bảo sự phù hợp với Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp về mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, bên cạnh việc căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, Tòa án đồng thời có xem xét đến tình hình tài sản của người phạm tội. Song, Điều 244 BLHS 2015 quy định mức phạt tiền quá cao, không phải người phạm tội nào cũng đáp ứng được điều kiện về tình hình tài sản theo quy định của BLHS. Do đó, quy định hình phạt tiền kể trên, không đảm bảo tính khả thi trong hoạt động thi hành án, dẫn tới nhiều bất cập trong công tác xét xử. *Ví dụ:* Khoảng 9 giờ ngày 14/9/2018, Công an tỉnh H bắt quả tang Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 đang vận chuyển 01 cá thể Tê tê đang còn sống đựng trong một chiếc làn nhựa ở giá để hàng phía trước. Qua đấu tranh, H1 và H2 khai nhận, cá thể động vật đó là Tê tê được Lê Tuấn A thuê H1, H2 vận chuyển, giao cho khách đã đặt mua từ trước. Khám xét nơi ở và kho hàng của Lê Tuấn A thu giữ: 11 cá thể cây, 01 cá thể hoẵng, 02 bộ phận cơ thể cá thể lợn, 01 túi nilon đựng xương động vật, 02 vỏ sùng cá thể rùa, tất cả đã chết và được ướp đông lạnh. Tại Bản giám định động vật số 717/STTNSV và số 718/STTNSV của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ kết luận “01 cá thể động vật là loài Tê tê vàng thuộc Nhóm IB. 10 cá thể động vật là loài Cây vòi mốc, 01 cá thể động vật là loài Cây vòi dóm; 01 cá thể động vật là loài Hoẵng; 02 bộ phận cơ thể của loài lợn rừng; 01 túi

nilon chứa xương của loài lợn rừng đều là ĐVHD thông thường; 02 vỏ sùng là mai và yếm của một loài Rùa núi viền thuộc Nhóm IIB”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 21/01/2019, TAND huyện K, tỉnh H đã xác định bị cáo Lê Tuấn A là bị cáo đầu vụ, chủ mưu; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2 là đồng phạm giúp sức. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244 BLHS 2015; điểm a, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015, xử phạt Lê Tuấn A 500.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn H1 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Nguyễn Văn H2 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Qua vụ án trên cho thấy, bị cáo Lê Tuấn A phạm tội lần đầu, là đối tượng làm nghề kinh doanh, có tài sản và khả năng thi hành hình phạt tiền, nên Tòa án đã quyết định xử phạt A 500.000.000 đồng. Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2 là những đối tượng trẻ tuổi, không có nghề nghiệp và cũng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành hình phạt tiền, nên đã bị áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo.

Trên cơ sở quy định của BLHS 2015 về hậu quả pháp lý của hình phạt tiền và hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cho thấy, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có tính nghiêm khắc hơn hình phạt tiền. Do đó, mặc dù quyết định về hình phạt của bản án đối với các bị cáo là phù hợp với thực tiễn, nhưng vô hình trung đi ngược lại nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 58 BLHS 2015. Mặt khác, cơ cấu hình phạt của Điều 244 BLHS 2015 thể hiện tính bất hợp lý trong trường hợp hai bị cáo trong hai vụ án khác nhau có cùng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ giống nhau, song một bị cáo có đủ điều kiện về tài sản theo quy định tại Điều 35 BLHS 2015, được Tòa án áp dụng hình phạt tiền; một bị cáo không đủ điều kiện về tài sản, bị Tòa án áp dụng hình phạt tù. Điều này dẫn tới tính

thiếu công bằng trong áp dụng pháp luật, tạo dư luận xấu khi cho rằng người có điều kiện kinh tế được áp dụng hình phạt nhẹ hơn người không có điều kiện kinh tế.

2.2. Vương mắc trong công tác giám định mẫu vật ĐVHD, ĐVNQCQH

Trong các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH, theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và BLTTHS 2015 giám định mẫu vật là thủ tục tố tụng cần thiết mà các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, một số quy định, thủ tục liên quan đến công tác giám định còn nhiều bất cập, nên hiệu quả giám định chưa cao, chưa hỗ trợ nhiều cho quá trình giải quyết vụ án.

Điều 31 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định: Việc giám định mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc các Phụ lục CITES để phục vụ công tác điều tra, xử lý vi phạm về động vật, thực vật hoang dã nguy cấp do Cơ quan khoa học CITES Việt Nam thực hiện. Nhưng Nghị định số 06/2019/NĐ-CP không quy định cụ thể như Điều 14 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ quy định các Cơ quan khoa học CITES Việt Nam gồm: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Viện Nghiên cứu Hải sản thuộc Bộ Thủy sản; Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Theo khảo sát của chúng tôi, đa số các cơ quan tiến hành tố tụng trong các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH đều trung cầu giám định tại Cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Tuy nhiên, Điều 12 Luật Giám định tư pháp (Luật GĐTP) năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 chỉ công nhận 09 tổ chức giám định tư pháp công lập trong ba lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự. Theo đó, Cơ quan khoa học CITES Việt Nam không được xác định là tổ chức giám định tư pháp

công lập, dẫn tới nhiều trường hợp kết quả giám định của Cơ quan khoa học CITES không được Tòa án công nhận.

Ví dụ: Do quen biết từ trước, khoảng 11 giờ ngày 22/5/2018, S (là đối tượng người Trung Quốc) gọi điện đặt vấn đề thuê Dương Văn C vận chuyển 04 sừng tê giác có trọng lượng 20kg từ thành phố H lên thành phố LC với tiền công 120.000.000 đồng, sẽ thanh toán khi nhận hàng tại khu vực cửa khẩu LC, C đồng ý. C cho S địa chỉ của Nguyễn Thị V là người chung sống như vợ chồng với C tại thành phố H để giao hàng. Vào 15 giờ ngày 22/5/2018 và 11 giờ ngày 23/5/2018, S gọi điện cho C nói đã mang 04 sừng tê giác được dán kín trong hộp giấy carton đến nhà V nên C gọi điện nhờ V cất hộ. Sau đó, C gọi điện nói với anh trai là Dương Văn S việc C được người Trung Quốc thuê vận chuyển 04 sừng tê giác từ thành phố H lên thành phố LC với tiền công 120.000.000 đồng và rủ S tham gia, bảo S rủ Dương Văn T cùng tham gia, tiền công sẽ chia. Dương Văn S và Dương Văn T đã cùng nhau xuống nhà V nhận 04 chiếc sừng tê giác, đồng thời, theo chỉ đạo của C xuống xã N, huyện T, thành phố H lấy 02 miếng sừng tê giác khối lượng 500 gam vận chuyển lên Cửa khẩu LC giao cho C. Khoảng 05 giờ ngày 24/5/2018, khi đang vận chuyển 04 sừng và 02 miếng sừng tê giác đến khu vực phường K, thành phố L, S và T bị Công an kiểm tra, phát hiện, bắt giữ. Ngày 24/5/2018, chị Nguyễn Thị Thu H (vợ Dương Văn C) đã giao nộp 110 gam chất dạng sừng nghi sừng tê giác phát hiện trong ngăn tủ bếp ở nhà cho Cơ quan Điều tra. Tại Kết luận giám định số 439/STTNSV ngày 29/5/2018 và số 441/STTNSV ngày 31/5/2018 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận: 07 mẫu sừng động vật được trung cầu giám định là sừng của loài tê giác trắng, có nguồn gốc Châu Phi, có tên trong Phụ lục I CITES. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 14/5/2019, TAND thành phố L đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn C, Dương Văn S, Dương Văn T phạm tội “vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” và xử phạt bị cáo C 10 năm 06 tháng tù; bị cáo S 08 năm 09 tháng tù; bị cáo T 08 năm 06 tháng tù. Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2019/HSPT ngày 28/7/2019 của TAND tỉnh L đã tuyên hủy Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại vì nhiều lý do trong đó có nhận định: “Việc cấp sơ thẩm sử dụng các Kết luận giám định số 439/STNSV ngày 29/5/2018 và số 441/STNSV ngày 31/5/2018 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam mà không trưng cầu giám định theo Luật Giám định tư pháp là vi phạm tố tụng”.

Căn cứ quy định tại Chương IV Luật GDTP, hoạt động giám định tư pháp có thể được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân giám định tư pháp theo vụ việc. Đối với vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ, cơ quan ngang bộ khác và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn, lập và công bố danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng. Song, theo đánh giá của đại diện Cơ quan quản lý CITES Việt Nam: “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bỏ nhiệm giám định viên tư pháp... Tuy nhiên, đa số giám định viên tư pháp trong lĩnh vực này được cho là đều không đủ khả năng nhận dạng các loài động vật, thực vật hoang dã”⁵. Trong khi đó, các Cơ quan khoa học CITES hay một số cơ quan ngang bộ (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) chưa được đưa vào danh sách giám định tư pháp, hoặc chính Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp tỉnh không đủ thẩm quyền đưa vào danh sách này phần nào đã “bỏ phí” đội ngũ chuyên gia giám định mẫu động, thực vật hoang dã. Mặt

khác, theo kết quả khảo sát của Ủy ban Tư pháp và liên ngành tư pháp trung ương về tình hình đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về buôn bán, vận chuyển, tàng trữ ĐVHD, ĐVNQCQ cho thấy: Nhiều địa phương Đoàn khảo sát tới làm việc đều chưa lập và công bố danh sách tổ chức, cá nhân giám định tư pháp theo vụ việc đã dẫn tới những khó khăn cho các cơ quan khi cần giám định tang vật là ĐVHD để xử lý hình sự⁶.

Cũng theo khoản 2 Điều 20 Luật GDTP: Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định, nhưng phải nêu rõ lý do. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn các tiêu chí cụ thể nhằm giúp các cơ quan áp dụng pháp luật lựa chọn đúng cá nhân, tổ chức giám định có đủ năng lực, kinh nghiệm phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

2.3. Vương mắc trong định giá tang vật là ĐVHD, ĐVNQCQ

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP quy định: “Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm của người khác nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách

⁵ Thanh Hải, “Cần bổ sung cơ quan giám định động vật hoang dã”, Báo điện tử Người đại biểu nhân dân, http://www.daibieunhandan.vn/ONA_BDT/NewsPrint.aspx?newsId=424367

⁶ TS. Phạm Quý Ty, “Những khó khăn, vướng mắc trong việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm”, tháng 4/2018.

nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự". Do đó, trong một số vụ án xâm phạm sở hữu mà đối tượng của tội phạm là động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ, thì công tác định giá đối với đối tượng này là yêu cầu bắt buộc để có căn cứ định tội đối với người có hành vi vi phạm.

Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP đã quy định các căn cứ định giá tài sản là hàng cấm nói chung, các cá thể sống và sản phẩm của ĐVHD nói riêng, tạo điều kiện cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, việc định giá tài sản là cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nếu những ĐVHD thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES và những ĐVHD khác là những loài động vật bị hạn chế buôn bán, được phép chăn nuôi có cơ sở để định giá, thì một số loài ĐVNQCQ thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES là những loài nghiêm cấm mua bán vì mục đích thương mại, nên không có cơ sở để định giá do Hội đồng định giá không thu thập được giá bán sản phẩm trên thị trường không chính thức của địa phương trong khu vực và trên thế giới. Trên thực tế, có một số trường hợp đối tượng có hành vi chiếm đoạt tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ, nhưng cơ quan chức năng đang gặp rất nhiều khó khăn do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không định giá được tang vật của vụ án là động vật hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ.

2.4. Vương mắc trong việc xử lý vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ

Khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định: "*Việc xử lý vật chứng... do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử...*". Trường hợp vật chứng là vật cấm lưu hành thì bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy. Vật chứng là ĐVHD hoặc thực vật ngoại lai, thì ngay sau khi có kết luận giám định, phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP quy định: Việc xử lý vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ hoặc sản phẩm của chúng được thực hiện theo thứ tự: (1) Vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. (2) Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, ĐVNQCQ thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. (3) Vật chứng khác không thuộc trường hợp hướng dẫn trên thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định xử lý mẫu vật các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sau tịch thu, được hướng dẫn cụ thể tại Điều 10 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau: Thả lại động vật rừng⁷ về môi trường tự nhiên;

⁷ Động vật rừng theo quy định của Thông tư gồm: cá thể động vật rừng còn sống hoặc đã chết; bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ ban hành, các Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và động vật rừng loài thông thường.

Cứu hộ động vật rừng; Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành; Bán động vật rừng; Tiêu hủy động vật rừng. Các hình thức xử lý động vật rừng được thực hiện theo trình tự ưu tiên, trường hợp không xử lý được bằng hình thức trước mới áp dụng hình thức xử lý kế tiếp.

Trong công tác xét xử, các Tòa án chủ yếu căn cứ vào quy định của BLTTHS và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP để quyết định xử lý vật chứng. Đối với vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQH còn sống, về cơ bản đều được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành trả về tự nhiên hoặc giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia. Tuy nhiên, vật chứng là cá thể động vật đã chết hoặc sản phẩm ĐVHD, ĐVNQCQH, thì hiện nay, các Tòa án giải quyết chưa có sự thống nhất: có Tòa án giao cho Cơ quan khoa học CITES để nghiên cứu; có Tòa án giao cho bảo tàng để trưng bày; có Tòa án tuyên tịch thu, tiêu hủy (mặc dù pháp luật quy định chỉ tiêu hủy vật chứng khi cơ quan kiểm dịch xác nhận vật chứng mang dịch bệnh truyền nhiễm). Nguyên nhân là do Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP chưa quy định cụ thể trường hợp nào tiêu hủy tang vật, trường hợp nào giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý. Hơn nữa, đến nay, chưa có văn bản pháp luật nào quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQH, nên rất khó cho các Tòa án trong quyết định xử lý vật chứng.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH; để nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH nhằm loại bỏ những bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

- Nghiên cứu, điều chỉnh mức định lượng theo hướng hạ thấp giá trị tang vật là động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng, ĐVNQCQH Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES và ĐVHD khác quy định tại Điều 234 BLHS 2015.

- Tội phạm hóa hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của nhiều loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp dưới ngưỡng quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 244 BLHS 2015.

- Bổ sung thêm loại hình phạt khác (có thể là hình phạt “cải tạo không giam giữ”) giữa hình phạt tiền và hình phạt tù trong cơ cấu hình phạt của Điều 244 BLHS 2015, để đảm bảo tính hợp lý của điều luật, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng và quyết định hình phạt.

Hai là, nâng cao tính hiệu quả của công tác hỗ trợ tư pháp, nhằm phục vụ tốt hoạt động giải quyết, xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQH. Cụ thể:

- Bổ sung Cơ quan khoa học CITES (tổ chức giám định chuyên môn) là cơ quan giám định tư pháp công lập theo Luật GĐTP đối với mẫu vật nghi là động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

- Bổ sung người có thẩm quyền (ngoài Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND cấp tỉnh) có quyền lựa chọn, lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp theo vụ, việc trong lĩnh vực giám định động, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm như: Viện trưởng

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội...

- Nâng cao năng lực đội ngũ giám định viên, định giá viên thông qua việc thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp để đưa ra các kết luận chính xác phục vụ công tác giải quyết, xét xử các vụ án và chịu trách nhiệm với các kết luận giám định, định giá đó.

Ba là, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả của Tòa án trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ. Cụ thể:

- Làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và phát triển án lệ để kịp thời hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc trong thực tiễn xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ.

- Tăng cường tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm (trong đó có các phiên tòa xét xử tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ) nhằm giúp các Thẩm phán, Thư ký và công chức Tòa án nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự đào tạo, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, học hỏi nâng cao về kỹ năng, trình độ nghiệp vụ trong công tác giải quyết, xét xử loại vụ án này.

- Nâng cao nhận thức của đội ngũ Thẩm phán, công chức Tòa án làm công tác xét xử về tầm quan trọng của việc bảo vệ đa dạng sinh học và tính chất nguy hiểm của tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ thông qua việc thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo chuyên sâu các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ nhằm củng cố kiến thức pháp lý; kinh nghiệm thực thi nhiệm vụ phòng, chống vi phạm, tội phạm về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, trong trường hợp cần thiết Tòa án cần tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, chuyên gia về động vật, thực vật và các vấn đề có liên quan đến kiến thức

chuyên biệt trong quản lý Nhà nước về động vật, thực vật.

Bốn là, tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan nhằm giải quyết có hiệu quả các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ. Cụ thể:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng cần thường xuyên tổ chức việc trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử trong liên ngành tố tụng; xác định các tuyến, địa bàn, phương thức, đối tượng trọng điểm của tội phạm.

- Cần xác định cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm tiếp nhận và xử lý vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ để công tác bàn giao vật chứng hiệu quả, đúng quy trình, thống nhất. Điều 33 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có chức năng xử lý và hướng dẫn xử lý mẫu vật quy định tại các Phụ lục CITES bị tịch thu theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước CITES. Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng, có thể sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vật chứng theo hướng: *Giao cho Cơ quan quản lý CITES Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý đối với vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ theo quy định của pháp luật*⁸.

Năm là, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật cho người dân về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ. Cụ thể:

- Cung cấp các thông tin khoa học, định hướng những giá trị đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, lối sống của nhân dân nhằm vận động người dân không có hành vi tiêu thụ, sử dụng ĐVHD, ĐVNQCQ.

- Vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, phát hiện, đấu tranh, tố giác hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, ĐVNQCQ để kịp thời ngăn chặn và xử lý những hành vi này. □

⁸ Trình tự, thủ tục xử lý đối với vật chứng là ĐVHD, ĐVNQCQ do Cơ quan quản lý CITES Việt Nam quy định hướng dẫn theo chức năng, nhiệm vụ.

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ